

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo
Gửi các Đoàn ĐBQH

BÁO CÁO**Giải trình tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi)**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã xem xét, cho ý kiến về Dự án Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi), (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật). Sau kỳ họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) phối hợp với Ban soạn thảo (BST), Thường trực Ủy ban Pháp luật và một số cơ quan hữu quan nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật theo ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đã thảo luận ở Tổ và Hội trường. Tại Phiên họp thứ 8, ngày 16/3/2017, UBTQH đã xem xét, cho ý kiến về một số vấn đề lớn trong tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật, chỉ đạo gửi Dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý xin ý kiến 63 Đoàn ĐBQH¹.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các Đoàn ĐBQH, Ủy ban TVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện Dự thảo Luật trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 3.

Sau đây, Ủy ban thường vụ Quốc hội xin báo cáo với Quốc hội về việc tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật như sau:

1. Giải thích từ ngữ trong Luật (Điều 3)

Nhiều ý kiến của các vị ĐBQH đề nghị cần nghiên cứu kỹ lưỡng lại các định nghĩa, giải thích từ ngữ liên quan đến CGCN, bởi vì có hiểu đúng bản chất của các từ ngữ thì mới thực hiện đúng các nội dung CGCN.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, từ nhận thức vị trí rất quan trọng của việc hiểu đúng, triển khai đúng nội dung, nội hàm của các từ ngữ liên quan CGCN trong Dự thảo Luật, UBTQH đã chỉ đạo rà soát lại các từ ngữ, thuật ngữ đưa vào Dự thảo Luật tại Điều 3. Tuy nhiên, vẫn còn có một số từ ngữ chưa thực sự phù hợp dù đã phát hiện nhưng chưa được chỉnh sửa vì cũng có ý kiến cho rằng những từ ngữ cần sửa nhưng lại liên quan mật thiết với các Luật vừa mới ban hành như

¹ Đến ngày /.... /2017 đã có Đoàn ĐBQH gửi ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật.

Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) năm 2013. Theo đó, nếu chỉnh sửa sẽ ảnh hưởng tới các Luật vừa mới ban hành. Ví dụ thuật ngữ công nghệ nếu không phát triển thêm là công nghệ gồm nguyên lý công nghệ và trình độ công nghệ thì trong quá trình sử dụng có thể dẫn đến nhầm lẫn; trên thực tế không ít trường hợp đáng tiếc đã xảy ra.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng ý kiến của các vị ĐBQH từ nhiều khía cạnh khác nhau, các từ ngữ giải thích được giải nghĩa cụ thể như tại Điều 3 của Dự thảo Luật.

2. Về chính sách của Nhà nước đối với chuyển giao công nghệ

- Một số ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung chính sách cụ thể đối với 3 luồng CGCN. Theo đó, đối với luồng CGCN thứ nhất là từ nước ngoài vào Việt Nam cần khuyến khích CGCN cao, tiên tiến đã được kiểm chứng, hoàn chỉnh. Đối với luồng CGCN thứ hai là chuyển giao trong nước cần có chính sách thúc đẩy việc CGCN từ các viện, trường trong nước vào sản xuất và coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới và CGCN, đẩy mạnh sự lan tỏa công nghệ từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang khu vực doanh nghiệp trong nước. Đối với luồng CGCN thứ ba là từ Việt Nam ra nước ngoài thì cần coi đây là một trong những động lực quan trọng của đổi mới công nghệ.

Tiếp thu ý kiến của các ĐBQH, Dự thảo Luật đã quy định rõ tại Điều 4: Ưu tiên hoạt động CGCN cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch vào nước ta (khoản 2); khuyến khích liên kết giữa viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở sản xuất, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước (khoản 3), thúc đẩy lan tỏa công nghệ từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước (khoản 7). Đối với CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài, Dự thảo Luật có quy định ưu đãi về thuế (Điều 37) và hỗ trợ thực hiện việc công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ và tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở trong và nước ngoài (Điều 39).

- Có ý kiến đề nghị coi trọng chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi CGCN cho bà con nông dân.

Về vấn đề này, tại khoản 4, Điều 4 đã quy định: Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho hoạt động CGCN trong nông nghiệp, nông thôn, miền núi.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung trong Luật chính sách hỗ trợ đối với các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực, đồng thời ưu tiên sử dụng sản phẩm, công nghệ trong nước nghiên cứu và tạo ra, đặc biệt là trong các dự án sử dụng ngân sách nhà nước.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, dự thảo luật đã bổ sung 01 điều, “Điều 34. Phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm chủ lực, trọng điểm, quốc gia”. Theo đó, Dự thảo Luật đã quy định chính sách ưu tiên chuyển giao

những công nghệ để tạo ra các sản phẩm chủ lực, trọng điểm, quốc gia từ kết quả nghiên cứu trong nước (khoản 1); khuyến khích phát triển các công nghệ tạo ra và hoàn thiện sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm và sản phẩm quốc gia có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước (khoản 2); nhà nước có chính sách mạnh mẽ để hoàn thiện thiết kế, chế tạo máy móc, thiết bị do Việt Nam chế tạo đủ sức cạnh tranh trên thị trường (khoản 3).

3. Về đối tượng, hình thức chuyển giao công nghệ

Có ý kiến ĐBQH cho rằng, giao dịch CGCN thời gian qua chủ yếu thông qua máy móc và thiết bị, đặc biệt là ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, cần có biện pháp kiểm soát để ngăn chặn thiết bị cũ, lạc hậu và để nâng cao trình độ công nghệ Quốc gia nói chung, của doanh nghiệp nói riêng.

Tiếp thu ý kiến nêu trên, trong Dự thảo Luật bổ sung đối tượng CGCN: “Máy móc, thiết bị” có yếu tố công nghệ thuộc đối tượng CGCN để quản lý (điểm d, khoản 1, Điều 5). Đồng thời, trong Dự thảo Luật đã chỉnh sửa quy định về hình thức CGCN cho phù hợp hơn với việc bổ sung đối tượng CGCN là máy móc, thiết bị (điểm b, khoản 1, Điều 6).

4. Về các danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế, cấm chuyển giao

Một số ý kiến của các vị ĐBQH đề nghị không nhập khẩu công nghệ lạc hậu vào Việt Nam đặc biệt là máy móc, thiết bị cũ; quy định cụ thể và rõ ràng hơn tiêu chí của công nghệ khuyến khích chuyển giao, công nghệ hạn chế chuyển giao và công nghệ cấm chuyển giao để có chính sách quản lý phù hợp làm cơ sở cho việc kiểm soát công nghệ được chuyển giao; tạo điều kiện cho công nghệ tiên tiến, công nghệ mới được chuyển giao vào Việt Nam.

Tiếp thu ý kiến nêu trên, trong Dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh sửa các quy định về công nghệ khuyến khích chuyển giao (Điều 9), công nghệ hạn chế chuyển giao (Điều 10) và công nghệ cấm chuyển giao (Điều 11). Dự thảo Luật đã phân định rõ các luồng công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, trong lãnh thổ Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài.

Đối với ý kiến về việc cần đặc biệt kiểm soát máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu, Dự thảo Luật đã quy định hạn chế CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong lãnh thổ Việt Nam các công nghệ kèm theo máy móc, thiết bị cũ, hiệu suất năng lượng thấp, tiêu hao nguyên vật liệu cao, lãng phí tài nguyên; máy móc, thiết bị không còn sử dụng phổ biến ở các quốc gia phát triển nhưng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; công nghệ chưa được kiểm chứng việc sử dụng và một số công nghệ khác như quy định tại Điều 10. Dự thảo Luật cấm việc chuyển giao đối với thiết bị, máy móc không còn sử dụng ở các quốc gia có trình

độ phát triển hơn Việt Nam và không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Điều 11).

Đồng thời, trong Dự thảo Luật cũng đã bổ sung quy định khuyến khích CGCN tiên tiến, công nghệ mới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Theo đó, Dự thảo Luật đã quy định tại Điều 9 về khuyến khích CGCN tạo ra sản phẩm có chất lượng vượt trội, có tính cạnh tranh cao so với công nghệ cùng loại hiện có; công nghệ tạo ra sản phẩm trọng điểm, chủ lực, quốc gia từ kết quả nghiên cứu trong nước và các công nghệ khác. Dự thảo Luật cũng quy định khuyến khích xuất khẩu công nghệ và thiết bị được tạo ra tại Việt Nam, công nghệ sử dụng nguyên liệu là các sản phẩm, bán sản phẩm, vật tư sản xuất trong nước.

Để linh hoạt và thích hợp với từng thời kỳ phát triển và sản xuất, Dự thảo giao Chính phủ quy định cụ thể các danh mục này.

5. Về thẩm định công nghệ trong các dự án đầu tư (Chương II)

- *Có ý kiến đề nghị phải thẩm định công nghệ tất cả các dự án; thẩm định các dự án thuộc các chương trình trọng điểm quốc gia, dự án sử dụng vốn nhà nước có giá trị trên 100 tỷ đồng...; quy định cụ thể việc thẩm định công nghệ phải thông qua Hội đồng thẩm định; quy trình, thời gian, thành phần chuyên gia, trách nhiệm của Hội đồng thẩm định; bổ sung quy định “hậu kiểm” đối với các dự án có công nghệ.*

Nghiên cứu tiếp thu các ý kiến ĐBQH, UBTVQH nhận thấy hoạt động CGCN là vấn đề rất quan trọng vì vị thế của một quốc gia gắn chặt với trình độ công nghệ của quốc gia đó. Tuy nhiên, một số ngành, lĩnh vực vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu; chúng ta vẫn CGCN thông qua mua máy móc, thiết bị phần lớn đã lạc hậu 2 - 3 thế hệ là chính, không đi kèm với giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật... Do đó, rất cần thiết có các giải pháp thẩm định, kiểm soát luồng công nghệ nhập khẩu vào nước ta để ngăn chặn công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người đồng thời, không làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam và yêu cầu của cải cách hành chính.

Uỷ ban thường vụ Quốc hội cho rằng để kiểm soát có hiệu quả công nghệ của các dự án đầu tư, cần thiết phải phân luồng công nghệ, quy định trách nhiệm, trình tự, thủ tục thẩm định công nghệ ngay trong Luật này đồng thời phải phù hợp với Luật đầu tư, Luật xây dựng và các luật khác có liên quan để giảm thiểu tối đa thủ tục đầu tư đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và thuận lợi trong đầu tư của doanh nghiệp. Do đó, Điều 13 Dự thảo Luật đã quy định “*Dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ*” là những dự án đầu tư phải thẩm định công nghệ. Kết quả thẩm định công nghệ là nội dung bắt

buộc trong báo cáo thẩm định dự án đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

Dự thảo Luật đã bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của các cơ quan có liên quan tới thẩm quyền thẩm định công nghệ tại Điều 14 “*Thẩm quyền thẩm định công nghệ dự án đầu tư*” và quy định về “*Nội dung thẩm định công nghệ dự án đầu tư*” (Điều 17); yêu cầu về “*Nội dung công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư*” (Điều 15) và “*Trình tự thẩm định công nghệ dự án đầu tư*” (Điều 16).

Tiếp thu ý kiến ĐBQH về Hội đồng thẩm định, UBTVQH đã bổ sung quy định về trách nhiệm của Hội đồng thẩm định như tại khoản 5, Điều 16 của Dự thảo Luật cụ thể: “*Thành viên hội đồng thẩm định và cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình*”.

Đối với việc kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án, tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, trong Dự thảo Luật đã bổ sung Điều 18 “*Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư*”, trong đó quy định cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN để kiểm tra, giám sát việc ứng dụng và CGCN trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư. Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng và CGCN trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra công nghệ của dự án đầu tư. Quy định này cũng nhằm giảm thiểu tối đa việc có quá nhiều cơ quan kiểm tra giám sát dự án khi sự cố xảy ra, song không cơ quan nào chịu trách nhiệm chính và đảm bảo quản lý chặt chẽ công nghệ được sử dụng.

- *Có ý kiến cho rằng quy định của Luật Đầu tư năm 2014 chưa tạo điều kiện cho việc thẩm định công nghệ trong các dự án đầu tư một cách chặt chẽ, có hiệu quả vì thời gian thẩm định hồ sơ đầu tư còn ngắn.*

Tiếp thu ý kiến này, UBTVQH cho rằng đối với các dự án có công nghệ phức tạp, có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì cần có thời gian thẩm định nhiều hơn. Do đó, Dự thảo Luật quy định đối với dự án có công nghệ loại này thì thời gian thẩm định được kéo dài gấp 2 lần thời gian thẩm định so với thời gian thẩm định của các dự án không có nội dung công nghệ phức tạp (khoản 6, Điều 16 Dự thảo Luật).

6. Về đăng ký chuyển giao công nghệ

Một số ý kiến đề nghị xem xét quy định tại Điều 26 Dự thảo Luật Chính phủ trình về đăng ký hợp đồng CGCN cho phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Có ý kiến đề nghị tất cả các hợp đồng CGCN trong nước (không kể vốn nhà nước hay vốn tư nhân) đều phải đăng ký hợp đồng CGCN; đề nghị bổ sung quy định rõ quyền lợi được hưởng khi đăng ký hợp đồng CGCN và chế tài xử phạt khi không

đăng ký hợp đồng CGCN theo quy định. Đề nghị bổ sung cụ thể trình tự, thủ tục, nội dung và hồ sơ đăng ký.

Về vấn đề này UBTVQH cho rằng, để quản lý được các luồng CGCN, chống việc gian lận, chuyền giá, trốn thuế... thì việc đăng ký hợp đồng CGCN là cần thiết. Tuy nhiên, không nhất thiết phải thực hiện đăng ký đối với tất cả các hợp đồng CGCN vì một số hợp đồng CGCN đã được kiểm soát thông qua việc thẩm định công nghệ theo quy định tại Điều 13 và những trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Luật KH&CN năm 2013. Do đó, những hợp đồng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, CGCN trong nước có sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, hợp đồng CGCN thực chất là một hình thức hợp đồng dân sự nên phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự. UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, đổi chiểu, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về hợp đồng CGCN phù hợp với quy định về hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2015 và có những đặc thù đối với hoạt động CGCN.

Do đó, Điều 27 về đăng ký CGCN đã được quy định như trong Dự thảo Luật, đồng thời chỉnh sửa quy định về hồ sơ đăng ký CGCN, thời hạn đăng ký CGCN (Điều 27) và bổ sung trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký CGCN, Giấy phép CGCN (Điều 28) cho phù hợp với thực tế và giảm thiểu thủ tục hành chính. Dự thảo Luật đã tiếp thu ý kiến đề nghị quy định cấm tiết lộ thông tin cho bên thứ ba làm ảnh hưởng đến lợi ích của bên giao và bên nhận công nghệ (tại Điều 29); chỉnh sửa quy định về xử lý vi phạm hợp đồng CGCN cho phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự (Điều 30).

Tuy nhiên, có một số ý kiến cho rằng không cần thiết quy định đăng ký hợp đồng CGCN vì việc kiểm soát công nghệ đã được quy định trong các điều khoản về thẩm định công nghệ dự án đầu tư tại Chương II. Đối với việc quản lý chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ đã được quy định tại Điều 51, trong đó đã quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp phải báo cáo tình hình chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực mình quản lý. Những quy định này là đầy đủ cho công tác quản lý nhà nước về công nghệ nói chung, không cần thiết quy định thêm việc đăng ký hợp đồng CGCN trong Dự thảo Luật, tránh việc phát sinh thêm thủ tục hành chính.

7. Về các biện pháp khuyến khích thúc đẩy chuyền giao công nghệ và phát triển thị trường KH&CN

- Có ý kiến cho rằng, thị trường KH&CN của nước ta còn sơ khai, chưa đáp ứng được yêu cầu, số lượng giao dịch còn hạn chế. Hoạt động CGCN giữa các tổ

chức KH&CN trong nước với doanh nghiệp còn ít và hiệu quả thấp. Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp còn lạc hậu, tốc độ đổi mới công nghệ thấp², việc chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất còn nhiều bất cập, chưa có sự chuyển động mạnh mẽ... Nói chung, trình độ công nghệ của nước ta còn lạc hậu, chưa tương xứng với trình độ và tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam. Do đó, đề nghị bổ sung các chính sách, biện pháp đột phá để khắc phục tình trạng bất cập nêu trên.

Nghiên cứu tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã đổi chiếu, so sánh với Luật KH&CN, các Luật khác có liên quan nhằm chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất một số chính sách để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như quy định tại Điều 32 của Dự thảo Luật.

Đối với ý kiến đề nghị hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong hoạt động CGCN, Dự thảo Luật đã bổ sung, chỉnh sửa Điều 31 như trong Dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cần đẩy mạnh CGCN của các viện nghiên cứu, trường đại học; hình thành mạng lưới liên kết hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến CGCN để đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN theo yêu cầu của Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Tiếp thu ý kiến trên, trong Dự thảo Luật đã bổ sung 01 điều, Điều 33 về khuyến khích phát triển thị trường KH&CN nhằm tạo cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, tạo lập môi trường cho hoạt động CGCN. Theo đó, Nhà nước khuyến khích, đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho hoạt động KH&CN và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển tổ chức trung gian, nâng cao năng lực nguồn cung và nguồn cầu công nghệ. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ CGCN; hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến CGCN, trong Dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh sửa các quy định này cho phù hợp với thực tế và quy định của Bộ Luật Dân sự cũng như pháp luật có liên quan; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy định về chương trình đổi mới công nghệ quốc gia (Điều 35); chính sách thuế để thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ (Điều 37); góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư (Điều 38); công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ (Điều 39); quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ CGCN (Điều 42);

² Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị ở Việt Nam giai đoạn 2011-2014 đạt khoảng 10,68% chỉ ở mức thấp so với mục tiêu đề ra (10-15% giai đoạn 2011-2015) trong Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2012.

- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ về điều kiện thành lập, trách nhiệm của các tổ chức đánh giá, định giá và giám định công nghệ phải phù hợp với pháp luật về đầu tư, về KH&CN, về tài chính, về giá.

Ủy ban thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến này và đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung quy định về các tổ chức đánh giá, định giá và giám định công nghệ tại Điều 45 để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về giá và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện thành lập và hoạt động của tổ chức này, không phát sinh thêm biên chế, đồng thời phải đẩy mạnh việc xã hội hóa, thu hút các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào hoạt động này nhằm góp phần ngăn chặn việc trốn thuế, chuyển giá trong hoạt động CGCN.

- Có ý kiến cho rằng nền kinh tế Việt Nam với sự tham gia của gần 70% dân số trong lĩnh vực nông nghiệp thì cần đặc biệt chú trọng việc thúc đẩy phát triển KH&CN trong lĩnh vực này, cần quy định đặc thù của việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản, chế biến sau thu hoạch,...

Tiếp thu ý kiến xác đáng nêu trên, Dự thảo Luật đã bổ sung 01 Điều về CGCN trong nông nghiệp (Điều 49) với những đặc thù về phương thức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý trong nông nghiệp và các hình thức chuyển giao như đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, xây dựng mô hình trình diễn, thông tin tuyên truyền... mà hiện đang áp dụng có hiệu quả và phổ biến trong sản xuất nông nghiệp.

Đối với đề nghị khuyến khích CGCN tại các vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, Dự thảo luật đã rà soát các quy định về vấn đề này tại các Điều 46, Điều 47 và Điều 48 để đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

8. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ

Một số ý kiến ĐBQH cho rằng hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CGCN còn chưa cao nên vẫn còn tình trạng CGCN lạc hậu vào Việt Nam, đề nghị quy định rõ vai trò của Bộ KH&CN trong việc quản lý hoạt động CGCN; phân định rõ trách nhiệm của Bộ KH&CN, các Bộ có liên quan, chính quyền địa phương trong việc quản lý CGCN. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định để khắc phục những hạn chế trong công tác thống kê về CGCN hiện nay.

Tiếp thu ý kiến nêu trên, trong Dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung trách nhiệm của Chính phủ, Bộ KH&CN, các Bộ có liên quan, chính quyền địa phương trong việc quản lý hoạt động CGCN và bổ cục thành 01 Chương (Chương V) quản lý nhà nước về CGCN.

Dự thảo Luật cũng bổ sung, chỉnh sửa Điều 56 về thống kê ứng dụng,

chuyển giao và đổi mới công nghệ trong đó có nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc thống kê ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật thống kê và các quy định cụ thể của Luật này để khắc phục những tồn tại trong công tác thống kê về CGCN, tăng cường công tác quản lý nhà nước về CGCN.

9. Về vấn đề quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Có ý kiến không nên quy định Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia trong Luật. Bởi vì việc hình thành thêm nhiều quỹ sẽ phân tán nguồn lực quốc gia, đầu tư sẽ kém hiệu quả.

Về vấn đề này, UBTVQH xin được giải trình như sau:

Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia không phải là quỹ mới mà đã được hình thành và quy định trong Luật CGCN năm 2006. Từ khi thành lập, quỹ đã hoạt động tốt và có nhiều đóng góp cho việc CGCN của đất nước. Trong Dự thảo Luật về cơ bản vẫn giữ như đã quy định trong Luật CGCN năm 2006. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình mới thì đổi tượng hỗ trợ của quỹ này được mở rộng hơn như doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, doanh nghiệp đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ (Khoản 1, Điều 31).

10. Về các vấn đề khác

Một số ý kiến ĐBQH cho rằng cần bổ sung quy định bắt buộc hoặc khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài CGCN cho doanh nghiệp Việt Nam.

Về vấn đề này, UBTVQH xin được giải trình như sau: Yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài CGCN cho doanh nghiệp trong nước là khó khả thi, một mặt là do công nghệ thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư nên không thể bắt buộc chuyển giao. Mặt khác, nói chung các doanh nghiệp Việt Nam cũng chưa đáp ứng tốt được yêu cầu về năng lực, trình độ để tiếp nhận công nghệ nhất là các công nghệ có trình độ cao và rất cao. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến ĐBQH trong Dự thảo Luật đã bổ sung quy định về thúc đẩy lan tỏa công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang các doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao năng lực, trình độ công nghệ của Việt Nam tại khoản 7, Điều 4.

Bên cạnh các chỉnh sửa chính nêu trên, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, chỉnh sửa về văn phong pháp luật cũng như sắp xếp lại các Chương, Điều. Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa, Dự thảo Luật có 06 Chương, 59 Điều (giảm 03 Điều so với dự thảo Chính phủ trình Quốc hội).

*

* * *

Kính thưa Quốc hội,

Trên đây là Báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý Dự án Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi), UBTVQH kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, Vụ KHCNMT;

E-pas:

Phùng Quốc Hiển